

Bộ Thương mại và Du lịch kiểm tra chặt chẽ việc cấp giấy phép nhập khẩu để làm cơ sở cho việc mua bán ngoại tệ.

Điều 5.-Ngân hàng Nhà nước phải kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng ngoại tệ của các đơn vị, đồng thời tổ chức tốt các trung tâm giao dịch ngoại tệ và các quầy thu đổi ngoại tệ để phục vụ việc mua bán ngoại tệ một cách thuận lợi.

Điều 6.-Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Thương mại và Du lịch, Bộ Tài chính, xây dựng ngay các cơ chế: kế hoạch hóa xuất nhập khẩu, quản lý xuất nhập khẩu, quản lý tài chính đối ngoại, ban hành đồng bộ với quy chế quản lý ngoại hối để thực hiện vào đầu năm 1992.

Điều 7.-Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 8.-Bộ trưởng các bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các Cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 338-HĐBT ngày 26-10-1991 về thi hành Luật phổ cập giáo dục tiểu học.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật phổ cập giáo dục tiểu học ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.-Chương trình và nội dung giáo dục tiểu học là của Nhà nước, được quy định thống nhất trong cả nước. Nghiêm cấm việc giáo dục trái với chương trình, nội dung của Nhà nước.

Điều 2.-Phổ cập giáo dục tiểu học là sự nghiệp và trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội.

Nhà nước có trách nhiệm dành ngân sách thích đáng cho giáo dục tiểu học.

Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, gia đình và công dân có trách nhiệm:

1. Xây dựng quỹ giáo dục quốc gia;
2. Xây dựng và bảo quản trường, lớp;
3. Kết hợp với ngành giáo dục trong việc giáo dục tiểu học cho trẻ em;
4. Mọi hành vi cản trở, thiếu trách nhiệm xâm phạm việc giáo dục tiểu học cho trẻ em đều bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Điều 3.-Các dân tộc thiểu số đồng thời với tiếng Việt có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình để thực hiện giáo dục tiểu học. Trẻ em phải nắm vững tiếng Việt để có khả năng giao tiếp trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Điều 4.-Trẻ em 6 tuổi, tính theo năm, không tính theo tháng, phải được học lớp 1 ngay từ đầu năm học.

Trẻ em không được đi học muộn hơn 11 tuổi, trừ những trường hợp dưới đây: a) Không đủ điều kiện sức khỏe, phát triển

chậm về thể lực, trí lực hoặc ốm đau đột xuất được tổ chức y tế xác nhận;

b) Do hoàn cảnh gia đình có khó khăn đặc biệt được chính quyền cơ sở xác nhận;

c) Cư trú ở những vùng dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh, vùng hải đảo và các vùng có khó khăn.

Điều 5

1. Trẻ em có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ được vào học lớp 1 trước 6 tuổi nếu Hội đồng sư phạm nhà trường đề nghị và phòng giáo dục quận, huyện, thị xã chấp nhận;

2. Học sinh tiểu học được vượt lớp sau khi đã được Hội đồng sư phạm nhà trường kiểm tra, cho phép và được phòng giáo dục quận, huyện, thị xã chấp nhận.

Điều 6. -

1. Học sinh phải đạt trình độ giáo dục tiểu học trước tuổi 15 được đánh giá thông qua một kỳ thi tốt nghiệp, trừ những trường hợp nêu trong các điểm a, b, c, khoản 2 Điều 4 nghị định này;

2. Học sinh học ở bất cứ loại hình trường, lớp tiểu học nào đều có quyền dự thi tốt nghiệp theo quy chế thi do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 7. - Trong trường hợp trẻ em không hoàn thành giáo dục tiểu học trước tuổi 15 thì chính quyền cơ sở có trách nhiệm xem xét nguyên nhân và đề xuất áp dụng các biện pháp cần thiết để bắt buộc cha mẹ, người đỡ đầu của trẻ em tạo điều kiện cho các em hoàn thành giáo dục tiểu học.

Điều 8. - Giáo dục tiểu học được thực hiện trong các loại hình trường quốc lập, dân lập, bán công; lớp tư thực, lớp học tại gia đình.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thành lập và giải thể các

trường, lớp tiểu học; quy chế hoạt động các loại hình trường, lớp tiểu học.

Điều 9. - Trường, lớp tiểu học phải bảo đảm các điều kiện:

1. Xây dựng gần khu dân cư để trẻ em đi học phù hợp với lứa tuổi, điều kiện địa lý và khí hậu của mỗi vùng;

2. Có đủ phòng học với điều kiện vệ sinh học đường cần thiết, có sân chơi, vườn trường;

3. Bàn ghế phù hợp với lứa tuổi học sinh mỗi lớp;

4. Không được giảng dạy trong những phòng học không bảo đảm an toàn cho học sinh và giáo viên.

Điều 10. -

1. Giáo viên, cán bộ quản lý các trường, lớp tiểu học phải có tư cách, đạo đức, tác phong gương mẫu, có bằng trung học sư phạm hoặc tương đương trở lên; có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy, giáo dục, bảo đảm thực hiện việc giáo dục theo chương trình và nội dung của Nhà nước.

2. Trong trường hợp không đủ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có văn bằng quy định ở điểm 1 Điều 10 của Nghị định này, các trường, lớp tiểu học có thể tuyển dụng những người có phẩm chất và trình độ thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học làm cán bộ quản lý, giáo viên, nhưng phải có kế hoạch giúp cho các cán bộ, giáo viên này dần dần đạt trình độ tối thiểu.

3. Những người không đủ tư cách, đạo đức và trình độ chuyên môn không được hành nghề giáo dục.

4. Nghiêm cấm các hình thức đối xử xâm phạm đến thân thể và danh dự học sinh.

Điều 11. - Cha mẹ, người đỡ đầu của trẻ em có trách nhiệm:

1. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em hoàn thành giáo dục tiểu học trước tuổi; cho trẻ em đi học đúng độ tuổi; bảo đảm không cho trẻ em bỏ học.

2. Trong trường hợp trẻ em học tại gia đình, phải đăng kí với chính quyền địa phương và bảo đảm mọi điều kiện để trẻ em hoàn thành giáo dục tiểu học.

3. Thực hiện mọi thủ tục cần thiết khi trẻ em chuyển trường hoặc trở lại trường theo quy định của cơ quan giáo dục.

4. Tham gia các hoạt động của Hội cha mẹ học sinh, làm đầy đủ các trách nhiệm trong việc giúp đỡ, phối hợp với nhà trường thực hiện giáo dục tiểu học cho trẻ em.

5. Trong trường hợp con, trẻ em được đỡ đầu không hoàn thành giáo dục tiểu học theo Luật định, phải chịu các hình thức xử phạt thích hợp.

Điều 12. - Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

1. Quyết định các chương trình và nội dung giáo dục tiểu học chung cho cả nước và riêng cho từng vùng quy định trong Điều 6 của Luật.

2. Xét duyệt, cho phép ấn hành sách giáo khoa, tài liệu dùng cho giáo dục tiểu học.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học.

4. Xây dựng và tổ chức hoạt động của thanh tra giáo dục tiểu học.

5. Ban hành các văn bản về tiêu chuẩn đánh giá hoàn thành kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học cho các địa phương; thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học.

6. Ban hành quy chế hoạt động của các cơ quan quản lý giáo dục các cấp trong việc thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học.

7. Ban hành quy chế về thủ tục nhập học, chuyển trường, thi tốt nghiệp tiểu học.

8. Phối hợp với Bộ Y tế ban hành tiêu chuẩn vệ sinh học đường đối với giáo dục tiểu học.

9. Ban hành quy chế thành lập và giải thể, quy chế hoạt động của trường, lớp tiểu học, quy chế về tiêu chuẩn và điều kiện của trường, lớp tiểu học.

10. Phối hợp với Thanh tra Nhà nước trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định Thanh tra giáo dục trong đó có vấn đề thanh tra giáo dục tiểu học.

Điều 13. - Bộ Tài chính có trách nhiệm:

1. Xây dựng quy chế lập quỹ giáo dục quốc gia, xác định chế độ thu, chi của quỹ này và tỷ lệ dành cho phổ cập giáo dục tiểu học trích từ quỹ này. Quản lý việc sử dụng quỹ giáo dục quốc gia.

2. Ban hành các định mức chi phí cho học sinh tiểu học chung cho cả nước và riêng cho các vùng quy định tại Điều 6 của Luật; bảo đảm phân bổ ngân sách kịp thời theo thẩm quyền, ưu tiên phân bổ ngân sách cho các vùng nói trên.

3. Bảo đảm các khoản chi cho giáo dục tiểu học theo những yêu cầu do các ngành hữu quan đề xuất và được Hội đồng Bộ trưởng duyệt.

Điều 14. - Ban Tổ chức - cán bộ của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội có trách nhiệm:

1. Xác định biên chế đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên các trường, lớp tiểu học chung cho cả nước và riêng cho mỗi vùng quy định tại Điều 6 của Luật.

2. Xây dựng và ban hành các chế độ trợ cấp, giúp đỡ tài chính, hiện vật nhằm mở trường, lớp dành cho các đối tượng quy định tại Điều 11 của Luật.

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế, chế độ để thực hiện phổ cập giáo dục đối với trẻ em khuyết tật.

3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo giúp Hội đồng Bộ trưởng ban hành các tiêu chuẩn nghiệp vụ, chức danh đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học.

4. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chế độ đãi ngộ đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học, quy định chế độ ưu đãi đối với những người công tác tại các vùng nêu trong Điều 6 của Luật.

Điều 15. - Bộ Ngoại giao có trách nhiệm xác định những điều kiện cần thiết để thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em Việt Nam ở nước ngoài và việc tiếp nhận trẻ em nước ngoài vào học tại nhà trường Việt Nam.

Điều 16. - Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức và hướng dẫn hoạt động của Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh nhằm giáo dục trẻ em hoàn thành giáo dục tiểu học, bảo đảm quyền lợi học tập của trẻ em.

Điều 17. - Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vận động phụ nữ làm tốt công tác giáo dục trẻ em ở gia đình, tạo điều kiện cho các em trở thành con ngoan, trò giỏi, bảo đảm quyền lợi học tập của trẻ em.

Điều 18. - Chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Quyết định kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học; thực hiện các quy định về sử dụng ngân sách dành cho giáo dục tiểu học ở địa phương; vận động nhân dân đóng góp vào sự nghiệp giáo dục tiểu học; lập và sử dụng quỹ giáo dục ở địa phương trong đó dành phần thích đáng hỗ trợ phổ cập giáo dục tiểu học.

2. Thực hiện các chế độ chính sách nhằm bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học.

3. Tổ chức việc đào tạo, sử dụng hợp lý đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học ở địa phương.

4. Sở Giáo dục - Đào tạo là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các quy định nói trên.

Điều 19. - Chính quyền quận, huyện, thị xã và cấp tương đương có trách nhiệm:

1. Xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện các quy định về sử dụng ngân sách dành cho giáo dục tiểu học trên địa bàn.

2. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học.

3. Thực hiện các biện pháp bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học.

4. Bảo đảm các nhu cầu về sách vở, học cụ, các trang thiết bị cho giáo dục tiểu học đủ và đúng thời hạn.

5. Quyết định việc thành lập hoặc giải thể trường, lớp tiểu học.

6. Phòng Giáo dục là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp chính quyền quận, huyện, thị xã và cấp tương đương thực hiện các quy định nói trên.

Điều 20. - Chính quyền cơ sở có trách nhiệm:

1. Đề nghị thành lập hoặc giải thể trường, lớp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổ chức đăng ký và huy động trẻ em vào học lớp 1 đúng độ tuổi quy định, thực hiện các biện pháp ngăn ngừa trẻ em bỏ học, bảo đảm cho trẻ em hoàn thành giáo dục tiểu học trước tuổi 15.

3. Xem xét và kiến nghị biện pháp xử lý đối với các trường hợp không hoàn thành giáo dục tiểu học.

4. Giúp đỡ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tiểu học cải thiện đời sống.

Điều 21. - Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý giáo dục, các cấp có trách nhiệm theo dõi và đánh giá, đề nghị với Hội đồng Bộ trưởng, chính quyền cùng cấp, cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, xét khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học theo chế độ khen thưởng của Nhà nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng quy chế tặng thưởng "Huy chương vì sự nghiệp giáo dục" cho các cá nhân có đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục nói chung và sự nghiệp phổ cập giáo dục tiểu học nói riêng.

Điều 22. - Người vi phạm Luật phổ cập giáo dục tiểu học phải chịu các hình thức xử lý quy định tại Điều 26 của Luật.

Điều 23. - Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 24. - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cùng với các Bộ hữu quan ban hành các thông tư hướng dẫn chi tiết và theo dõi, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

T.M Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 362-HĐBT ngày 6-11-1991 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Đề thi hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ban hành ngày 16 tháng 8 năm 1991,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam là cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng; có chức năng tổ chức phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức nhân đạo, để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch, chế độ, chính sách và chương trình hành động vì trẻ em nhằm thực hiện Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em nước ta như những cam kết của nước ta với cộng đồng quốc tế về Công ước quyền trẻ em.

Thành phần Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam gồm:

- Chủ tịch Ủy ban, do một Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm nhiệm.

- Các Phó Chủ tịch Ủy ban, trong đó có một Phó Chủ tịch chuyên trách.

Các Phó Chủ tịch Ủy ban là đại diện Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.